

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1887~~ /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 6 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục đầu tư các tiểu dự án của tỉnh Thanh Hóa  
thuộc dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8)  
do Ngân hàng Thế giới tài trợ**

### **CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-TTg ngày 02/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập”, vốn vay Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1204/SNN&PTNT-KHTC ngày 06/5/2016 về việc lập dự án đầu tư các tiểu dự án thuộc dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục đầu tư các tiểu dự án của tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ như sau:

- Tiểu dự án 1 (gồm 11 hồ chứa): Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ Kim Giao, Đồi Dốc, Bai Mạ, Hón Dứa, Cây Sú, Bái Đền, Bai Ngọc, Đồng Viễn, Đồng Đông, Ông Già và Làng Mọ.

- Tiêu dự án 2 (gồm 12 hồ chứa): Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ Ao Sen, Khe Tuấn, Bến Sen, Cửa Trát, Ngọc Re, Hón Man, Cửa Hón, Đá Mài, Rộc Cúc, Đập Cầu, Đập Ngang và Cây Trôi.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2. Triển khai thực hiện.**

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư) tổ chức quản lý, thực hiện các tiêu dự án của tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và yêu cầu của nhà tài trợ.

- UBND các huyện Thọ Xuân, Như Thanh, Thạch Thành, Nông Cống có trách nhiệm bàn giao tài liệu, hồ sơ các công trình hồ Làng Mọ, hồ Cây Sú, hồ Bái Đền, hồ Bai Mạ, hồ Đồng Đông cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa để triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường và các ngành, đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

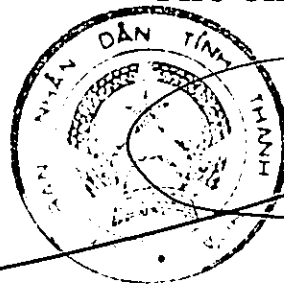
**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Thọ Xuân, Như Thanh, Thạch Thành, Nông Cống và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

**PHỤ LỤC: Danh mục các tiểu dự án sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ chứa của tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ**

(Kèm theo Quyết định số: 4887/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT | Tên đập/hồ                                                                                       | Địa điểm xây dựng               | Loại đập | Thông số kỹ thuật |                 |            |          |       | Quy mô đầu tư/Giải pháp kỹ thuật      | Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------|-------------------|-----------------|------------|----------|-------|---------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                                                                                                  |                                 |          | Flv (km2)         | Wtrữ (triệu m3) | Ftuổi (ha) | Hmax (m) | L (m) |                                       |                                   |
| I   | Tiểu dự án 1: Các hồ chứa đã được phê duyệt dự án đầu tư hoặc có hồ sơ dự án đầu tư (11 hồ chứa) |                                 |          |                   |                 |            |          |       |                                       | 225                               |
| 1   | Kim Giao                                                                                         | Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia   | Đập đất  | 9,3               | 3,81            | 300        | 19,5     | 340   | Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối | 45                                |
| 2   | Đồi Dốc                                                                                          | Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành | nt       | 1,3               | 0,30            | 33         | 8,4      | 343   | nt                                    | 25                                |
| 3   | Bãi Mạ                                                                                           | Xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành | nt       | 4,7               | 0,35            | 60         | 7,5      | 140   | nt                                    | 20                                |
| 4   | Hón Dứa                                                                                          | Xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc      | nt       | 1,3               | 0,32            | 28         | 12,0     | 215   | nt                                    | 15                                |
| 5   | Cây Sú                                                                                           | Xã Mậu Lâm, huyện Như Thanh     | nt       | 1,6               | 0,32            | 40         | 15,0     | 142   | nt                                    | 15                                |
| 6   | Bái Đền                                                                                          | Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh    | nt       | 7,5               | 0,38            | 22         | 15,0     | 117   | nt                                    | 15                                |
| 7   | Bãi Ngọc                                                                                         | Xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc  | nt       | 2,0               | 0,25            | 40         | 10,0     | 56    | nt                                    | 10                                |
| 8   | Đồng Viễn                                                                                        | Xã Tượng Lĩnh, huyện Nông Cống  | nt       | 0,8               | 0,22            | 26         | 9,0      | 95    | nt                                    | 15                                |
| 9   | Đồng Đông                                                                                        | Xã Công Liêm, huyện Nông Cống   | nt       | 1,0               | 0,25            | 45         | 10,0     | 742   | nt                                    | 15                                |
| 10  | Ông Già                                                                                          | Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia   | nt       | 2,7               | 0,38            | 41         | 6,3      | 752   | nt                                    | 25                                |
| 11  | Làng Mọ                                                                                          | Xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân    | nt       | 2,0               | 1,40            | 115        | 7,5      | 450   | nt                                    | 25                                |
| II  | Tiểu dự án 2: Các hồ chứa chưa được phê duyệt dự án đầu tư (12 hồ chứa)                          |                                 |          |                   |                 |            |          |       |                                       | 210                               |
| 1   | Ao Sen                                                                                           | Xã Yên Lạc, huyện Như Thanh     | Đập đất  | 2,0               | 0,50            | 70         | 5,0      | 380   | Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối | 15                                |
| 2   | Khe Tuần                                                                                         | Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia   | nt       | 2,0               | 1,92            | 200        | 4,0      | 1.000 | nt                                    | 30                                |
| 3   | Bến Sen                                                                                          | Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia   | nt       | 1,4               | 0,20            | 60         | 7,0      | 120   | nt                                    | 15                                |
| 4   | Cửa Trát                                                                                         | Xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân     | nt       | 5,0               | 6,53            | 680        | 15,0     | 150   | nt                                    | 15                                |
| 5   | Ngọc Re                                                                                          | Xã Hóa Quý, huyện Như Xuân      | nt       | 3,1               | 0,45            | 45         | 7,0      | 150   | nt                                    | 15                                |
| 6   | Hón Man                                                                                          | Xã Hóa Quý, huyện Như Xuân      | nt       | 1,6               | 0,23            | 20         | 6,0      | 250   | nt                                    | 10                                |
| 7   | Cửa Hón                                                                                          | Xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành | nt       | 2,1               | 0,24            | 40         | 7,5      | 100   | nt                                    | 15                                |
| 8   | Đá Mài                                                                                           | Xã Thành Tân, huyện Thạch Thành | nt       | 1,2               | 0,43            | 30         | 8,0      | 300   | nt                                    | 20                                |
| 9   | Rộc Cúc                                                                                          | Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành | nt       | 1,3               | 0,29            | 30         | 8,0      | 120   | nt                                    | 15                                |
| 10  | Đập Cầu                                                                                          | Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung      | nt       | 1,2               | 0,53            | 70         | 6,0      | 500   | nt                                    | 25                                |
| 11  | Đập Ngang                                                                                        | Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung      | nt       | 1,0               | 0,30            | 60         | 13,0     | 300   | nt                                    | 20                                |
| 12  | Cây Trôi                                                                                         | Xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lặc    | nt       | 1,3               | 0,30            | 30         | 5,2      | 60    | nt                                    | 15                                |